Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 64, Special Issue 5 (2023) 214-219

SITUATION OF IMPLEMENTING REGULATION ON STAFFING NORMS AT PROVINCIAL CENTERS FOR THE QUALITY CONTROL OF FOOD, DRUG AND COSMETICS

Dang Le Tri[1*], Vu Van Hoan[1], Hoang Thi My Hanh[1], Tran Thi Hong Cam[1], Nguyen Tuan Hung[2], Vu Thi Minh Hanh[1]

[1]*Health Strategy and Policy Institute - 196 Alley, Ho Tung Mau str, Mai Dich Ward, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam*
[2]*Department for Organization and Manpower, MoH - 138 Giang Vo, Ba Dinh District, Hanoi, Vietnam*

Received 13/04/2023
Revised 08/05/2023; Accepted 07/06/2023

ABSTRACT

Background: The staffing norms of the Quality Control Centers are currently regulated by Circular 08/2007/TTLT-BYT-BNV.

Objective: Describe the current situation of the number of people working and the proportion of divisional and professional structure of the Quality Control Centers; compare the situation with the provisions of the Circular; analyze limitations in current regulations and propose policy solutions to ensure that the number of people working and the proportion of departmental and professional structure are suitable with the work characteristics of the Centers.

Methods: Cross-sectional study, combining quantitative and qualitative research.

Results: Most of the existing staff of the Centers are low compared to Circular 08/2007 regulations. The main human resources doing professional work at these Centers are pharmacists, medical technicians and engineers (biology, chemistry). The regulation thatnumber of people working at the Centers must be based on the province population size like the other Preventivecare centers and regulation on the structure of occupational titles is not suitable with the characteristics of the Quality Control Centers currently.

Conclusion: To ensure the number of people working and the structure of professional titles at these Centers, it is necessary to define criteria that accurately reflect the workload (such as a number of samples) of the Centers, and to have specific regulations on the percentage of human resources with medical specialties such as pharmacists, medical technicians and other relevant occupational titles.

Keywords: Quality Control Center, number of people working, structure of occupational titles.

*Corressponding author
Email address: tridangle@gmail.com
Phone number: (+84) 973 029 036
https://doi.org/10.52163/yhc.v64i4.704

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC BIÊN CHẾ TẠI CÁC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Đặng Lê Trí[1*], Vũ Văn Hoàn[1], Hoàng Thị Mỹ Hạnh[1], Trần Thị Hồng Cẩm[1], Nguyễn Tuấn Hưng[2], Vũ Thị Minh Hạnh[1]

[1]Viện Chiến lược và Chính sách Y tế - Ngõ 196, Hồ Tùng Mậu, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội, Việt Nam
[2]Vụ Tổ chức cán bộ, Bộ Y tế - 138 Giảng Võ, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 13 tháng 04 năm 2023
Chỉnh sửa ngày: 08 tháng 05 năm 2023; Ngày duyệt đăng: 07 tháng 06 năm 2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Định mức biên chế của các Trung tâm Kiểm nghiệm hiện được quy định bởi Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV.

Mục tiêu: Mô tả thực trạng số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn của các Trung tâm Kiểm nghiệm trên cả nước; so sánh thực trạng với quy định của Thông tư; phân tích hạn chế trong quy định hiện hành và đề xuất giải pháp chính sách nhằm đảm bảo số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn phù hợp với đặc thù công việc của các Trung tâm Kiểm nghiệm.

Phương pháp: Điều tra cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính.

Kết quả: Số lượng người làm việc hiện có của các Trung tâm Kiểm nghiệm đa số đều thấp hơn so với quy định trong Thông tư. Nhân lực làm công tác chuyên môn tại các Trung tâm chủ yếu là dược sĩ, kỹ thuật y và kỹ sư (sinh học, hóa học). Quy định của Thông tư 08 về xác định số lượng người làm việc dựa trên quy mô dân số tỉnh/thành phố và áp dụng chung quy định hướng dẫn về cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các Trung tâm Kiểm nghiệm như các Trung tâm hệ dự phòng tuyến tỉnh là không còn phù hợp với đặc thù lĩnh vực kiểm nghiệm.

Kết luận: Để đảm bảo số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh nghề nghiệp tại các Trung tâm Kiểm nghiệm, cần xác định tiêu chí phản ánh đúng khối lượng công việc (như số mẫu thực hiện) của các Trung tâm, có quy định cụ thể về tỷ lệ nhân lực chức danh chuyên môn chuyên ngành y như dược sĩ, kỹ thuật y và chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác.

Từ khóa: Trung tâm kiểm nghiệm, số lượng người làm việc, cơ cấu chức danh.

*Tác giả liên hệ
Email: tridangle@gmail.com
Điện thoại: (+84) 973 029 036
https://doi.org/10.52163/yhc.v64i4.704

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Năm 2007, Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV (*sau đây gọi tắt là Thông tư*) hướng dẫn định mức biên chế trong các cơ sở y tế nhà nước được ban hành (1). Điểm c, Khoản 2, Điều I của Thông tư quy định định mức biên chế đối với các cơ sở y tế kiểm định, kiểm nghiệm được xây dựng căn cứ vào đặc điểm kinh tế - xã hội, tuyến chuyên môn kỹ thuật, xếp hạng các đơn vị sự nghiệp và theo nhu cầu của từng địa phương, từng vùng để bảo đảm hoàn thành khối lượng công việc. Tuy nhiên, hướng dẫn cụ thể về định mức biên chế (bao gồm số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn) của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm (*sau đây gọi tắt là Trung tâm Kiểm nghiệm*) tại Khoản 1 và Khoản 4, Điều II của Thông tư lại được xác định dựa trên dân số tỉnh, thành phố mà Trung tâm đóng trên địa bàn và được áp dụng chung với quy định hướng dẫn cho các Trung tâm hệ dự phòng tuyến tỉnh (1).

Tính đến 31/12/2022, trên cả nước có 62 trong tổng số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập Trung tâm Kiểm nghiệm tuyến tỉnh, thành phố, trừ tỉnh Đắk Nông (2). Bài báo được thực hiện nhằm mục tiêu cung cấp thông tin về thực trạng số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn của các Trung tâm Kiểm nghiệm trên cả nước; so sánh thực trạng với quy định của Thông tư; phân tích hạn chế trong quy định hiện hành và đề xuất giải pháp chính sách nhằm đảm bảo số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn phù hợp với đặc thù công việc của các Trung tâm Kiểm nghiệm.

2.2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

***- Trong nghiên cứu định lượng*:** các Trung tâm Kiểm nghiệm tuyến tỉnh, thành phố.

***- Trong nghiên cứu định tính*:** Lãnh đạo, nhân viên Trung tâm Kiểm nghiệm.

2.3. Cỡ mẫu và cách chọn mẫu

***- Trong nghiên cứu định lượng*:** chọn toàn bộ các Trung tâm Kiểm nghiệm tuyến tỉnh, thành phố.

***- Trong nghiên cứu định tính*:** chọn chủ đích đại diện Lãnh đạo, nhân viên 05 Trung tâm Kiểm nghiệm các tỉnh Bình Dương, Thái Bình, Thanh Hóa, Đăk Lăk, Đồng Tháp.

2.4. Nội dung nghiên cứu

- Trong nghiên cứu định lượng:

+ Kết quả chỉ tiêu dịch vụ trong năm 2019: tổng số mẫu thực hiện được trong năm và tổng chỉ tiêu thực hiện được trong năm (tính bằng số phép thử thực hiện trên từng mẫu nhân với số mẫu thực hiện được).

+ Số biên chế được giao tính đến thời điểm 31/12/2019.

+ Tổng số nhân lực, cơ cấu chức danh nghề nghiệp hiện có của nhóm chuyên môn và nhóm gián tiếp, phục vụ phân theo Khoa/Phòng/đơn vị công tác và chức danh nghề nghiệp tại thời điểm 31/12/2019.

+ Dân số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (lấy từ Niên giám Thống kê năm 2019).

***- Trong nghiên cứu định tính*:** phân tích hạn chế trong quy định của Thông tư về định mức biên chế của các Trung tâm Kiểm nghiệm và đề xuất giải pháp chính sách nhằm đảm bảo số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn phù hợp với đặc thù công việc của các Trung tâm.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu

***- Trong nghiên cứu định lượng*:** Toàn bộ các Trung tâm Kiểm nghiệm tuyến tỉnh, thành phố được đề nghị báo cáo bằng biểu mẫu thống kê do Viện Chiến lược và Chính sách Y tế thiết kế trong khuôn khổ Đề án cấp Bộ Y tế "*Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về xây dựng Khung vị trí việc làm, xác định định mức, cơ cấu chức danh chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập để thay thế Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV*" (3). Kết thúc thời gian thu thập số liệu bằng biểu mẫu thống kê (10/09/2020), có 54 Trung tâm Kiểm nghiệm có báo cáo trong tổng số 62 Trung tâm trong cả nước.

***- Trong nghiên cứu định tính*:** các cuộc thảo luận nhóm được thực hiện tại các Trung tâm trong thời gian từ tháng 08/2020 đến 04/2022 (3).

2.6. Phương pháp xử lý số liệu: Số liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0. Thông tin định tính được tổng hợp và trích dẫn theo mục tiêu nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Về số lượng người làm việc của các Trung tâm

Tổng số biên chế được giao của 54 Trung tâm là 1.515 người, trong đó số đã tuyển dụng là 1.434 người. Có 21 trong tổng số 54 Trung tâm đã tuyển dụng đủ số biên chế được giao. Số lượng người làm việc trung bình ở 1 Trung tâm Kiểm nghiệm trên cả nước là 26,6 người (trung vị: 26).

Bảng 3.1: Thực trạng về số lượng người làm việc theo quy mô dân số của các Trung tâm (N=54)

		Số lượng người làm việc theo quy mô dân số tỉnh/thành phố				
		≤1 triệu dân (20 Trung tâm)	**>1 - 1,5 triệu dân (16 Trung tâm)**	**>1,5 – 2 triệu dân (11 Trung tâm)**	**> 2 – 4 triệu dân (7 Trung tâm)**	**> 4 triệu dân (Không có số liệu)**
Số người làm việc	Trung bình	24,2	26,8	29	28,9	Không có số liệu
	Trung vị	24	25,5	30	31	Không có số liệu
Đáp ứng theo Thông tư	Định mức theo Thông tư	25	26 - 30	31 - 35	36 - 40	41 - 45
	% số đơn vị đạt định mức	45,0%	56,3%	36,4	14,3%	Không có số liệu

Theo quy định của Thông tư, định mức biên chế đối với các Trung tâm Kiểm nghiệm được xác định dựa trên quy mô dân số của từng tỉnh.

Số liệu báo cáo cho thấy, số lượng người làm việc hiện có của các Trung tâm (số trung bình và trung vị) ở các nhóm tỉnh/thành phố có dân số ≤1 triệu dân, >1,5 – 2 triệu dân và > 2 – 4 triệu dân đều thấp hơn so với quy định. Đa số các Trung tâm thuộc 3 nhóm dân số này (>50%) đều có số lượng người làm việc thấp hơn so với mức quy định tối thiểu. Đặc biệt, có tới 6/7 Trung tâm trong nhóm tỉnh/thành phố > 2 – 4 triệu dân không đáp ứng mức quy định tối thiểu là 36 người.

Chỉ duy nhất nhóm các Trung tâm của các tỉnh có dân số >1 - 1,5 triệu dân có số lượng người làm việc trung bình là 26,8 người, nằm trong khoảng quy định. Tuy nhiên, có tới 7 trong tổng số 16 Trung tâm thuộc nhóm này có số lượng người làm việc thấp hơn mức tối thiểu theo quy định là 26 người. Riêng nhóm các Trung tâm thuộc các tỉnh có dân số > 4 triệu dân không có Trung tâm nào báo cáo số liệu (*Bảng 3.1*).

Kết quả phân tích cho thấy không có mối tương quan có ý nghĩa thống kê giữa quy mô dân số và số lượng người làm việc tại các Trung tâm (r=0,37; p>0,05). Các kết quả nghiên cứu định tính cũng cho thấy sự đồng thuận cao với quan điểm rằng quy định về số lượng người làm việc tại các Trung tâm theo quy mô dân số tỉnh/thành phố là không còn phù hợp vì quy mô dân số không tương đồng với khối lượng công việc và năng lực chuyên môn của các đơn vị trong lĩnh vực kiểm nghiệm. Theo các đối tượng nghiên cứu, cần có tiêu chí riêng dành cho lĩnh vực kiểm nghiệm, không thể áp dụng chung tiêu chí quy mô dân số của lĩnh vực dự phòng đối với lĩnh vực kiểm nghiệm như quy định của Thông tư (*Hộp 3.1*).

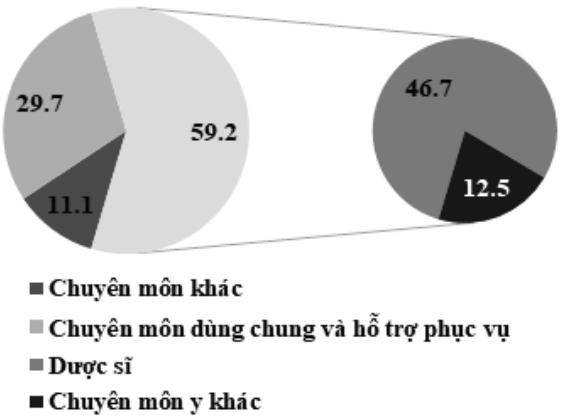
"Việc xếp các Trung tâm Kiểm nghiệm vào khối cơ sở hệ dự phòng và dùng chung tiêu chí xác định số lượng người làm việc và cơ cấu chức danh chuyên môn với khối dự phòng là không phù hợp" – TLN_Trung tâm Kiểm nghiệm_1.

"Trong hoạt động kiểm nghiệm, số phép thử thực hiện được, số hoạt chất kiểm nghiệm được, đặc biệt là số mẫu được kiểm nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu mới đánh giá chính xác được khối lượng công việc và năng lực của Trung tâm. Số người làm việc cần được tính toán phù hợp với khối lượng công việc của đơn vị, không nên cào bằng theo quy mô dân số" – TLN_Trung tâm Kiểm nghiệm_2.

Các kết quả định lượng cũng có cho thấy có mối tương quan chặt chẽ giữa số mẫu thực hiện và số lượng người làm việc tại các Trung tâm. Theo đó, số lượng người làm việc tại các Trung tâm tăng thì số mẫu thực hiện được cũng tăng theo (r=0,36; p<0,05). Theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, số mẫu kiểm nghiệm trung bình trên 1 người làm việc tại các Trung tâm hiện tại là 32 mẫu; trung vị là 28 mẫu. Các kết quả trên cho thấy, áp dụng số mẫu thực hiện được làm một trong những tiêu chí xác định số lượng người làm việc tại các Trung tâm Kiểm nghiệm là phương án khả thi, đảm bảo số lượng người làm việc phù hợp khối lượng công việc của đơn vị. Trong khi đó, không có mối tương quan giữa số phép thử thực hiện được và số lượng người làm việc tại các Trung tâm (r=-0,02; p>0,05). Kết quả định lượng và định tính đều phản ánh năng lực rất khác nhau của các Trung tâm qua việc không có mối tương quan giữa số mẫu thực hiện được và số phép thử. Những Trung tâm có số phép thử rất cao trên số mẫu thấp thể hiện năng lực chuyên môn của Trung tâm mặc dù khối lượng công việc thấp và ngược lại. Do đó, việc áp số phép thử làm tiêu chí xác định số lượng người làm việc ở các Trung tâm là không khả thi ở thời điểm hiện tại.

Về tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn của các Trung tâm

Biểu đồ 3.1: Tỷ lệ % nhân lực theo cơ cấu bộ phận, chuyên môn của các Trung tâm (N=1.434)



Nhân lực làm việc ở bộ phận chuyên môn chiếm 88,9% tổng số nhân lực ở các Trung tâm bao gồm 59,2% nhân lực có chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế (46,7% là dược sĩ, 12,5 % là kỹ thuật y) và 29,7% nhân lực có chức danh chuyên môn khác (kỹ sư). Tỷ lệ nhân lực khối chuyên môn dùng chung và hỗ trợ phục vụ chỉ chiếm 11,1% (*Biểu đồ 3.1*).

Thông tư 08/2007 không quy định riêng về tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn dành cho các Trung tâm Kiểm nghiệm. Các quy định hiện hành trong Thông tư về tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn cũng không phù hợp với thực trạng nhân lực hiện có và đặc thù chuyên môn của các Trung tâm. Mặc dù hiện nay, tên và chức năng, nhiệm vụ của 62 Trung tâm trong cả nước còn khác nhau (có thể gồm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm hoặc kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm), không được thống nhất trong toàn hệ thống tuy nhiên với đặc thù của lĩnh vực kiểm nghiệm, nhân lực làm công tác chuyên môn chủ yếu là dược sĩ, kỹ thuật y và kỹ sư (sinh học, hóa học). Do đó, các quy định về tỷ lệ cơ cấu chuyên môn chỉ với các chức danh bác sĩ và kỹ thuật xét nghiệm như trong Thông tư là không phù hợp (1). Bên cạnh đó, quy định về tỷ lệ cơ cấu bộ phận trong Thông tư cũng không còn phù hợp khi Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập ra đời (4). Những lý do trên đặt ra yêu cầu thực tiễn về việc cần có quy định riêng về cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Trung tâm kiểm nghiệm trong cả nước. Trong đó cần đảm bảo một số nguyên tắc: số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của Trung tâm; tỷ lệ dược sĩ chiếm đa số (khoảng 50%) trong nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế; bố trí một tỷ lệ nhất định dành cho nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác (có thể bằng 1/3 hoặc 1/2 số lượng dược sĩ như thực trạng hiện nay).

4. KẾT LUẬN

Thực trạng số lượng người làm việc và tỷ lệ cơ cấu bộ phận, chuyên môn của các Trung tâm Kiểm nghiệm hiện nay cho thấy việc áp dụng chung quy định hướng dẫn định mức biên chế cho các Trung tâm hệ dự phòng tuyến tỉnh đối với các Trung tâm Kiểm nghiệm theo Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BYT-BNV là không phù hợp với đặc thù chuyên môn và khối lượng công việc của lĩnh vực kiểm nghiệm. Số mẫu kiểm nghiệm được trong năm có thể là một tiêu chí để xác định số lượng người làm việc tại các Trung tâm Kiểm nghiệm. Cụ thể, trung bình 1 người làm việc thực hiện từ 28-32 mẫu/năm. Cứ tăng hoặc giảm từ 28-32 mẫu thì tăng hoặc giảm 1 người làm việc. Cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp tại các Trung tâm kiểm nghiệm cũng cần có quy định riêng so với các loại hình cơ sở y tế khác trong đó cần đảm bảo một số nguyên tắc: số lượng người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỉ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc của Trung tâm; tỷ lệ dược sĩ chiếm đa số (khoảng 50%) trong nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế; bố trí một tỷ lệ nhất định dành cho nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn liên quan khác (có thể bằng 1/3 hoặc 1/2 số dược sĩ như thực trạng hiện nay).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Thông tư liên tịch 08/2007/TTLT-BYT-BNV ngày 05/06/2007 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở y tế nhà nước, 2007.

[2] Cục Quản lý Dược, Bộ Y tế, Đề án quy hoạch hệ thống các cơ sở kiểm nghiệm, kiểm định Nhà nước về kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế. Dự thảo lần 5 ngày 08/08/2022, 2022.

[3] Viện Chiến lược và Chính sách Y tế, Đề án Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về xây dựng Khung vị trí việc làm, xác định định mức, cơ cấu chức danh chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập để thay thế Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV. Đề án cấp Bộ năm 2019, 2022.

[4] Chính phủ, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/09/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, 2020.